TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 03/2021/KDTM-PT
Ngày 26-01-2021
V/v kiện đòi tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh.

Các Thẩm phán: Ông Phan Trí Dũng

Bà Nguyễn Thị Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Vào ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 37/2020/TLPT-KDTM ngày 26/10/2020 về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 03/2020/KDTM-ST ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 45/2020/QĐ-PT ngày 24/12/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV MTL; địa chỉ: tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn T, chức vụ: Chủ tịch công ty, có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Đ; địa chỉ: thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn M, Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm Giám đốc, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị LX, sinh năm 1979; địa chỉ: tỉnh Bình Dương; tạm trú: tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn Công ty TNHH Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

** Nguyên đơn trình bày:*

Công ty TNHH MTV MTL (gọi tắt là Công ty MTL) có bán cho Công ty TNHH Gỗ TQK (gọi tắt là Công ty TQK) lô hàng là gỗ cao su xẻ sấy với số tiền 1.591.740.150 đồng, hình thức mua bán là đặt hàng qua điện thoại. Thực hiện thỏa thuận mua bán, Công ty MTL đã giao hàng đầy đủ cho Công ty TQK và đã xuất Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000237 ngày 28-3-2016 với tổng số tiền là 1.591.740.150 đồng. Sau khi giao hàng xong, Công ty MTL đã nhiều lần yêu cầu Công ty TQK thanh toán số tiền trên cho Công ty MTL nhưng Công ty TQK vẫn không thanh toán. Hiện nay, Công ty TQK đã đổi tên thành Công ty TNHH Đ (gọi tắt là Công ty Đ). Do đó, Công ty MTL khởi kiện yêu cầu Công ty Đ phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty MTL số tiền nợ gốc là 1.591.740.150 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 11/8/2020 (là 46 tháng 10 ngày), mức lãi suất là 1%/tháng (12%/năm) là 1.591.740.150 đồng x 1%/tháng x 46 tháng 10 ngày = 737.506.270 đồng; tổng cộng số tiền nguyên đơn Công ty MTL yêu cầu bị đơn Công ty Đ thanh toán là 2.329.246.420 đồng.

** Bị đơn trình bày:*

Bị đơn không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì Công ty Đ không có quan hệ mua bán hàng hóa với Công ty MTL. Trước đây ông M có quen biết bà Lê Thị LX là Giám đốc Công ty TQK, do Công ty TQK ngưng hoạt động nên ông M thuê lại nhà xưởng của Công ty TQK tại địa chỉ thửa đất số 840, 612, tờ bản đồ số 38, thị xã T với giá 135.000.000 đồng/tháng, theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số 01-01/HĐ-TNX ngày 01-01-2018. Do tin tưởng bà Lê Thị LX là Giám đốc Công ty TQK cam kết công ty hoàn toàn hợp pháp, không có bất cứ tranh chấp gì nên ông M đã giữ lại mã số thuế của Công ty TQK để làm mã số thuế của Công ty Đ, đồng thời làm thủ tục chuyển đổi từ Công ty TQK thành Công ty Đ nhưng thực tế là độc lập nhau. Do việc mua bán giữa Công ty MTL và Công ty TQK không liên quan gì đến Công ty Đ nên ông M không biết về việc mua bán cũng như những khoản nợ nêu trên. Do vậy, Công ty Đ không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu vì vụ án đã hết thời hiệu khởi kiện.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị LX trình bày:*

Trước đây bà Lx là Giám đốc Công ty TQK có trụ sở tại thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vào năm 2018, Công ty không hoạt động nữa, cùng thời gian này ông Trịnh Văn M có nhu cầu thuê nhà xưởng của Công ty TQK để sản xuất chế biến gỗ nên ngày 01-01-2018 bà Lx đã cho ông M thuê nhà xưởng theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số 01-01/HĐ-TNH. Thời điểm này ông M làm thủ tục thành lập doanh nghiệp nhưng không thực hiện được nên ông M đề nghị bà Lx cho ông M được sử dụng mã số thuế của Công ty TQK để ông M tiếp tục kinh doanh. Sau đó, bà Lx làm thủ tục thay đổi tên từ Công ty TQK sang tên Công ty Đ do ông Trịnh Văn M là người đại diện theo pháp luật. Đối với yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn, bà Lx đề nghị Tòa án không chấp nhận vì Công ty TQK cũng như Công ty Đ không có quan hệ mua bán hàng hóa với Công ty MTL.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 03/2020/KDTM-ST ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV MTL đối với bị đơn Công ty TNHH Đ về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV MTL số tiền 2.329.246.420 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm trả, quyền kháng cáo, kháng nghị, quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 24/8/2020, bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án do hết thời hiệu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

- Về tố tụng: Việc chấp hành thủ tục xét kháng cáo của Thẩm phán cấp phúc thẩm và những người tham gia phiên tòa: Đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

Căn cứ Điều 319 Luật Thương mại, tranh chấp còn thời hiệu khởi kiện. Nguyên đơn trình bày giao dịch hàng hóa với ông L và bà Lxh, nhưng nguyên đơn không chứng minh được ông L, bà Lxh có mối quan hệ như thế nào với Công ty TQK, có được đại diện hợp pháp Công ty TQK thực hiện giao dịch hàng hóa với nguyên đơn hay không; chứng cứ nguyên đơn cung cấp là hóa đơn giao dịch hàng hóa với Công ty TQK, không phải bản xác nhận công nợ giữa Công ty TQK với nguyên đơn. Nguyên đơn khởi kiện nhưng không có tài liệu gì khác để chứng minh bị đơn còn nợ. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa phù hợp. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe các bên đương sự trình bày ý kiến và Kiểm sát viên phát biểu quan điểm; sau khi thảo luận,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Ngày 13 tháng 8 năm 2020, Tòa án nhân dân thị xã T xét xử sơ thẩm vụ án và ban hành Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 03/2020/KDTM-ST. Ngày 24/8/2020, bị đơn Công ty Đ có đơn kháng cáo. Người kháng cáo nộp đơn kháng cáo trong thời hạn, đóng tạm ứng án phí đúng quy định tại các Điều 273, 276 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị LX đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị LX.

Xét kháng cáo của bị đơn:

[3] Theo đơn kháng cáo ghi ngày 20/8/2020, bị đơn cho rằng vụ án đã hết thời hiệu khởi kiện, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án; nếu xác định còn thời hiệu thì cần thu thập chứng cứ để làm rõ có việc mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn và bị đơn không để đảm bảo quyền và lợi ích của các bên.

[4] Nguyên đơn Công ty MTL căn cứ vào Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000237 ngày 28/3/2016 để yêu cầu bị đơn Công ty Đ thanh toán số tiền nợ gốc và lãi là 2.329.246.420 đồng. Bị đơn Công ty Đ không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng giữa Công ty Đ và Công ty MTL không có quan hệ mua bán hàng hóa và yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu để đình chỉ giải quyết vụ án. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định đây là lần đầu Công ty MTL bán hàng hóa cho Công ty TQK, việc mua bán hàng hóa giữa hai bên theo hình thức mua bán qua điện thoại, không có hợp đồng. Chứng cứ nguyên đơn giao nộp là Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000237 ngày 28/3/2016. Theo quy định tại Điều 319 Luật Thương mại, thời hiệu khởi kiện là 02 năm, kể từ thời điểm quyền và lợi ích bị xâm phạm. Nguyên đơn không chứng minh được giữa nguyên đơn và Công ty TQK có thỏa thuận về thời hạn thanh toán. Theo quy định tại Điều 55 Luật Thương mại 2005 thì bên mua phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hóa. Nguyên đơn giao hàng cho bị đơn và xuất hóa đơn vào ngày 28-3-2016, tính đến khi nguyên đơn khởi kiện (ngày 01/11/2019) đã hơn 3 năm. Tại phiên tòa, nguyên đơn cho rằng có gọi điện cho ông L là người của Công ty TQK để yêu cầu trả nợ, ông L hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả nên nguyên đơn mới khởi kiện. Lời trình bày của nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận. Như vậy, kể từ thời điểm Công ty TQK phát sinh nghĩa vụ trả nợ nhưng không trả là thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm. Do đó, thời hạn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa đã hết, bị đơn đề nghị áp dụng thời hiệu là có cơ sở chấp nhận, tuy nhiên, nguyên đơn có quyền kiện đòi lại tài sản theo quy định tại Điều 155 và khoản 1 Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do vậy, quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là "kiện đòi tài sản" được quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm xác định ngày 09/5/2019 (ngày nguyên đơn nộp đơn khởi kiện đầu tiên) là thời

điểm mà nguyên đơn xác định quyền, lợi ích bị xâm phạm là không chính xác, từ đó xác định việc nguyên đơn khởi kiện vụ án là còn trong thời hiệu khởi kiện và quan hệ pháp luật là "tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" là không phù hợp, bởi lẽ theo hướng dẫn tại Điều 4 Nghị quyết 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị Quyết 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tố tụng hành chính thì ngày khởi kiện là thời điểm phát sinh tranh chấp mà không phải là thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm. Do Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai quan hệ pháp luật dẫn đến việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[5] Nguyên đơn cung cấp Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000237 ngày 28/3/2016 thể hiện nội dung Công ty MTL có bán cho Công ty TQK gỗ cao su xẻ sấy với giá trị là 1.591.740.150 đồng. Theo Biên bản xác minh ngày 19/5/2020 của Tòa án tại Chi cục Thuế thị xã T, Công ty TQK có khai báo thuế đối với Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000237 ngày 28/3/2016. Căn cứ Điều 24 của Luật Thương mại, có căn cứ xác định giữa Công ty MTL và Công ty TQK có quan hệ mua bán hàng hóa và phát sinh số nợ như nguyên đơn trình bày.

[6] Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 09/5/2018 và Công văn số 170/ĐKKD ngày 20/02/2020 của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cung cấp thông tin về Công ty TNHH Đ thì ngày 09/5/2018 Công ty TQK chuyển đổi tên thành Công ty Đ. Thông tin này được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương tiếp tục khẳng định tại Công văn số 1631/CV-ĐKKD ngày 01/12/2020, đồng thời cung cấp cho Tòa án toàn bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 09/5/2018 của Công ty Đ. Theo đó, cùng ngày 19/4/2018, bà Lê Thị LX là chủ sở hữu Công ty TQK (có số vốn điều lệ 5.000.000.000 đồng) và là người đại diện theo pháp luật của Công ty TQK (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 10/11/2017 – BL 40) đã ký bốn hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ vốn góp cụ thể như sau:

- Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01/HĐCN, bà Lx chuyển nhượng cho ông Trịnh Văn M 2.000.000.000 đồng tương ứng tỷ lệ 40% vốn điều lệ.

- Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01/HĐCN, bà Lx chuyển nhượng cho ông Trịnh Văn Đ1 1.000.000.000 đồng tương ứng tỷ lệ 20% vốn điều lệ.

- Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 03/HĐCN, bà Lx chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn G 1.000.000.000 đồng tương ứng tỷ lệ 20% vốn điều lệ.

- Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 04/HĐCN, bà Lx chuyển nhượng cho ông Bùi Duy Đ2 1.000.000.000 đồng tương ứng tỷ lệ 20% vốn điều lệ.

Đồng thời cùng ngày 19/4/2018, ông Trịnh Văn M với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Gỗ TQK có giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp với nội dung đăng ký thành lập Công ty TNHH Đ, được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Gỗ TQK, ngày 09/5/2018 Công ty Đ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6. Do vậy, có căn cứ xác định, Công ty TNHH Đ được chuyển đổi từ Công ty TNHH Gỗ TQK. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Dân sự năm 2015: "Sau khi chuyển đổi hình thức, pháp nhân được chuyển đổi chấm dứt tồn tại kể từ thời điểm pháp nhân chuyển đổi được thành lập; pháp nhân chuyển đổi kế thừa quyền và nghĩa vụ dân sự của pháp nhân được chuyển đổi". Do vậy, Công ty Đ phải có trách nhiệm với khoản nợ của Công ty TQK, cụ thể là có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty MTL. Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty Đ phải chịu trách nhiệm đối với các giao dịch do Công ty TQK xác lập, thực hiện và phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty MTL số tiền nợ gốc là 1.591.740.150 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn, do tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa đã hết thời hiệu khởi kiện nên không được chấp nhận.

[7] Công ty Đ kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ, cụ thể là không làm rõ bà Phạm Thị Lxh (người ký hóa đơn), ông L (người đã giao dịch với nguyên đơn) là ai để đưa những người này vào tham gia tố tụng và tiến hành đối chất giữa các bên. Xét thấy, theo ý kiến của nguyên đơn, ông L và bà Lxh đều là người của Công ty TQK, thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của bà Lx. Bà Lx đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ ba lần để làm việc và tham gia xét xử nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, đồng thời Tòa án cũng có Thông báo số 01/2021/TB-TA ngày 14/01/2021 về việc yêu cầu bà Lx thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự, trong đó đề nghị bà Lx có ý kiến về một số vấn đề có liên quan trong vụ án, bà Lx đã nhận được văn bản nhưng không có ý kiến phản hồi, do đó các yêu cầu của bị đơn nêu trên là không thể thực hiện. Tòa án căn cứ các chứng cứ đã thu thập để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bà Lê Thị LX và ông Trịnh Văn M đều khai thống nhất về việc bà Lx cho ông M thuê nhà xưởng, do ông M không thực hiện được thủ tục thành lập doanh nghiệp nên đã mượn mã số thuế của Công ty TQK để sử dụng cho Công ty Đ, đồng thời cung cấp Hợp đồng thuê nhà xưởng số 01-01 ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, Hợp đồng thuê nhà xưởng chỉ thể hiện bà Lx cho ông M thuê nhà xưởng và kho bãi thuộc quyền sở hữu của bà Lx, còn việc ông M và bà Lx khai giữa Công ty Đ và Công ty TQK không có mối quan hệ là không phù hợp với chứng cứ do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cung cấp nên không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 03/2020/KDTM-ST ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương, đề nghị của

đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là không phù hợp với quy định của pháp luật.

Án phí phúc thẩm: Bị đơn không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Đ.

Sửa một phần Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 03/2020/KDTM-ST ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương như sau:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV MTL đối với bị đơn Công ty TNHH Đ về việc kiện đòi tài sản.

Buộc Công ty TNHH Đ trả cho Công ty TNHH MTV MTL số tiền nợ 1.591.740.150 đồng (bằng chữ: Một tỷ năm trăm chín mươi mốt triệu bảy trăm bốn mươi nghìn một trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV MTL đối với bị đơn Công ty TNHH Đ về việc trả tiền lãi với số tiền 737.506.270 đồng (bằng chữ: Bảy trăm ba mươi bảy triệu năm trăm lẻ sáu nghìn hai trăm bảy mươi đồng).

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty TNHH Đ phải chịu 59.752.000 đồng (bằng chữ: Năm mươi chín triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng).

- Công ty TNHH MTV MTL phải chịu 33.500.251 đồng (bằng chữ: Ba mươi ba triệu năm trăm nghìn hai trăm năm mươi mốt đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 38.097.714 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0037515 ngày 26/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, trả lại cho Công ty TNHH MTV MTL 4.597.463 đồng (bằng chữ: Bốn triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm sáu mươi ba đồng).

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty TNHH Đ không phải chịu, trả cho Công ty TNHH Đ số tiền 2.000.000 đồng (bằng chữ: Hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0051618 ngày 28/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP;
- Lưu: Tòa KT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Tuyết Thanh